

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2022
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 337/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6201/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc Thanh T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 40/9 đường số X, khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Hiếu T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ thường trú: 40/9 đường số X, khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 2A Gò D, khu phố X, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Ngọc Thanh T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức Hiếu T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 65 ngày 17/6/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T,

Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống khá hạnh phúc. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà phạm sai lầm khi có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, bà cảm thấy hối hận và mong ông T tha thứ tuy nhiên ông T không chấp nhận. Ngoài ra, hai vợ chồng cũng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc. Rất nhiều lần, cả hai đã ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, sự chia sẻ và cảm thông. Trong thời gian sống chung nhà nhưng mặc ai nấy sống, không có sự quan tâm, ông Trung có những lời nói, hành động gây áp lực, mệt mỏi cho bà. Từ tháng 12/2020, bà đã không còn chung sống với ông T. Nay tại Tòa, bà xác định không còn tình cảm với ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết dứt khoát cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Bà và ông Nguyễn Đức Hiếu T có 03 con chung tên Nguyễn Đức Thiên T, sinh ngày: 16/3/2006, Nguyễn Đức Minh T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Đức Hoàng T, sinh ngày: 07/02/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay, các con chung đang ở với bà. Bà thuê mặt bằng của mẹ ông T để buôn bán tạp hóa, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, bà chủ động về thời gian nên có khả năng chăm sóc con. Từ khi không còn chung sống với nhau, ông T không phụ giúp tiền để nuôi con, tuy có vất vả nhưng bà vẫn nuôi dưỡng được các con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức Hiếu T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận lời trình bày của bà Võ Ngọc Thanh T về thời điểm chung sống, về thời điểm kết hôn là sự thật. Trong quá trình chung sống thì bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, ông cũng không còn tình cảm với bà T nhưng vì các con nên duy trì cuộc sống chung. Nay tại Tòa, ông đồng ý ly hôn với bà T.

+ Về con chung: Ông và bà Võ Ngọc Thanh T có 03 con chung tên Nguyễn Đức Thiên T, sinh ngày: 16/3/2006, Nguyễn Đức Minh T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Đức Hoàng T, sinh ngày: 07/02/2019. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông có xưởng cơ khí tại nhà, có nơi ở và thu nhập ổn định để lo cho các con. Thu nhập của ông khoảng 40.000.000 đồng/tháng. Từ khi không còn chung sống với nhau, ông không phụ giúp tiền để bà T nuôi con là tại vì bà T tự ý đưa con đi khỏi nhà.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Võ Ngọc Thanh T xin ly hôn với ông Nguyễn Đức Hiếu T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T hiện đang cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức Hiếu T và bà Võ Ngọc Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 65 ngày 17/6/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông T và bà T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên các bên bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn trong cuộc sống để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng bà Võ Ngọc Thanh T vẫn cương quyết ly hôn vì giữa vợ chồng đã không còn lòng tin, sự chia sẻ và cảm thông. Bà T và ông T đã nhiều lần cùng nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có tiến triển tốt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông T đồng ý ly hôn vì cũng không còn tình cảm với bà T. Xét thấy bà T và ông T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc bà T và ông T thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà Võ Ngọc Thanh T và ông Nguyễn Đức Hiếu T có 03 con chung tên Nguyễn Đức Thiên T, sinh ngày: 16/3/2006, Nguyễn Đức Minh T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Đức Hoàng T, sinh ngày: 07/02/2019. Bà T và ông T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung; bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, bà T và ông T đều có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định, có thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Tuy nhiên, các con chung đang trong giai đoạn cần được sự chăm sóc của người mẹ; bản năng của người mẹ là chăm sóc, giáo dục con, trong một năm qua, các con ở với bà T và được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; trẻ Nguyễn Đức Thiên T và Nguyễn Đức Minh T cũng trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt và ổn định để trẻ phát triển về thể chất, tinh thần và căn cứ vào đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nên giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng, xét đây là yêu cầu hợp lý để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên buộc ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc Thanh T và ông Nguyễn Đức Hiếu T thuận tình ly hôn (Theo Giấy đăng ký kết hôn số 65 ngày 17/6/2005 tại UBND phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Đức Thiên T, sinh ngày: 16/3/2006, Nguyễn Đức Minh T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Đức Hoàng T, sinh ngày: 07/02/2019 cho bà Võ Ngọc Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Đức Hiếu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung tên Nguyễn Đức Thiên T, sinh ngày: 16/3/2006, Nguyễn Đức Minh T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Đức Hoàng T, sinh ngày: 07/02/2019, mỗi con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình:

Bà Võ Ngọc Thanh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 58821 ngày 17/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Đức Hiếu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Võ Ngọc Thanh T và ông Nguyễn Đức Hiếu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Đức;
- THA DS TP. Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- UBND phường Tam Phú,
TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nga